

NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ QUỐC TẾ VÀ NHỮNG GỢI MỞ CHO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Lương Thị Mỹ Quỳnh

TS. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Nạn nhân của tội phạm, tư pháp hình sự người chưa thành niên.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 03/01/2022
 Biên tập : 22/02/2022
 Duyệt bài : 24/02/2022

Tóm tắt:

Hệ thống tư pháp người chưa thành niên được thiết lập chủ yếu dựa trên niềm tin rằng trẻ em cần được đảm bảo bởi một hệ thống pháp luật riêng biệt với người lớn, vì nhu cầu phát triển và tâm lý xã hội đặc biệt của chúng. Tuy nhiên, trẻ em trong vai trò là nạn nhân của tội phạm (người bị hại) lại chưa thực sự được quan tâm sâu sắc và toàn diện trong hệ thống tư pháp.

Article Information:

Keywords: Victim of crime; juvenile criminal justice.

Article History:

Received : 03 Jan. 2022
 Edited : 22 Feb. 2022
 Approved : 24 Feb. 2022

Abstract:

The juvenile justice system was founded largely on the belief that children warranted a separate legal system from adults because of their unique developmental and psychosocial needs. Accordingly, the juvenile justice system is responsible for both children in need of protection and children in need of control. However, children in the role as victims of crime (victims) have not really been given deep and comprehensive attention in the justice system.

1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Nạn nhân của tội phạm – người bị hại

Thuật ngữ “nạn nhân của tội phạm” được dùng trong hệ thống tư pháp hình sự nhằm để chỉ một người bị thiệt hại về tinh thần, thể chất hoặc tài sản do hành vi phạm tội của một người hoặc một nhóm người hay một tổ chức gây ra

cho họ¹. Khái niệm này nhằm để phân biệt với “nạn nhân” của các vi phạm pháp luật khác không phải tội phạm. Tuy vậy, trong bản dịch các đạo luật nhiều nước, khái niệm này còn được biểu đạt bằng thuật ngữ “người bị hại” với cách hiểu tương tự. Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam năm 2015 là một ví dụ,

¹ The United Nations Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power (ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc (LHQ) số 40/33 ngày 29/11/1985. Xem Mục 1 phần A của bản tuyên bố. Khái niệm này cũng được ghi nhận với nội dung tương tự trong nhiều văn bản khác của LHQ. Nội dung này sẽ được đề cập cụ thể trong phần 2 của bài viết.

khoản 1 Điều 62 quy định: “Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra”. Theo đó, cá nhân bị thiệt hại do tội phạm gây ra cũng chính là nạn nhân của tội phạm theo tuyên bố chung của Liên hợp quốc.

Tuy nhiên, cũng trong Bản tuyên bố này, khái niệm “nạn nhân của tội phạm” được ghi nhận ở phạm vi rộng hơn việc một cá nhân bị thiệt hại bởi hành vi phạm tội, bao gồm cả người thân trong gia đình, những người phụ thuộc trực tiếp của nạn nhân và những người bị tổn hại trong việc can thiệp và hỗ trợ nạn nhân gặp nạn hoặc để ngăn chặn việc trở thành nạn nhân².

Họ được hiểu là những nạn nhân gián tiếp của tội phạm và cũng cần được hệ thống tư pháp bảo vệ. Trong bối cảnh của vụ án có người bị hại là trẻ em (người chưa thành niên), giới nghiên cứu chính sách pháp luật trên thế giới cũng đã có những bàn luận về khái niệm “nạn nhân của tội phạm” dựa trên 2 bình diện. *Thứ nhất*, nạn nhân là trẻ em là đối tượng bị thiệt hại trực tiếp bởi tội phạm, bao gồm cả khi đứa trẻ này là nạn nhân của một hoặc nhiều đứa trẻ khác phạm tội. *Thứ hai*, những đứa trẻ là nhân chứng của hành vi phạm tội, chúng sẽ phải tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự, bị triệu tập lấy lời khai trong quá trình điều tra và có thể bị công khai hoặc kỳ thị do sự tham gia của chúng³. Những thiệt hại đối với nhóm người này không phải

do tội phạm trực tiếp gây ra, nhưng lại có nguy cơ bị tổn thương bởi việc phải tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự và có nguy cơ bị đe dọa trả thù bởi người phạm tội.

Đối chiếu với quy định pháp luật Việt Nam, khái niệm “người bị hại” trong TTHS không bao trùm đồng thời cả hai đối tượng trên. Nhân chứng của tội phạm được Bộ luật TTHS năm 2015 quy định riêng trong điều khoản về “người làm chứng”⁴. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả chú trọng vào nhóm chủ thể là người bị hại trực tiếp bởi hành vi phạm tội, mà khi tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự, họ đồng thời vừa là nạn nhân, vừa là nhân chứng của tội phạm đã gây thiệt hại cho mình.

1.2. Người chưa thành niên - trẻ em - người dưới 18 tuổi

Điều 1 Công ước LHQ về quyền trẻ em (CRC) nêu: “Trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật quy định tuổi thành niên sớm hơn”⁵. Khái niệm này mang tính nguyên tắc chung và có sự linh hoạt về độ tuổi của trẻ em, theo hướng xác định độ tuổi tối đa của trẻ em là dưới 18 tuổi⁶.

Khác với khái niệm trẻ em, người chưa thành niên (NCTN) được Bộ Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về thực hiện tư pháp đối với NCTN (Quy tắc Bắc Kinh) ghi nhận như sau: “NCTN là một trẻ em hoặc một thanh thiếu niên, theo những hệ thống pháp luật tương ứng, sẽ được xử lý về một hành vi vi phạm pháp

² *Tlđđ*.

³ Finkelhor D., Paschall M.J., Hashima P.Y. (2001), *Juvenile Crime Victims in the Justice System*. In: White S.O. (eds) *Handbook of Youth and Justice*. The Plenum Series in Crime and Justice. Springer, Boston, MA. https://doi.org/10.1007/978-1-4615-1289-9_2.

⁴ Điều 66 BLTTHS năm 2015. Bộ luật cũng quy định các biện pháp bảo vệ người làm chứng, thanh toán chi phí đi lại, ăn ở...

⁵ The UN Convention on the Right of Children (CRC), ban hành theo Nghị quyết số 44/25 ngày 20/11/1989 của Đại hội đồng LHQ.

⁶ Công ước không quy định thời điểm bắt đầu tính tuổi của trẻ em. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của LHQ thì kể từ khi trẻ được sinh ra đến dưới 18 tuổi hoặc độ tuổi thấp hơn tùy theo quy định của pháp luật của từng quốc gia. Thực tế cho thấy chuẩn mực quy định này về độ tuổi là trẻ em được ghi nhận trong hầu hết pháp luật các nước. Thuật ngữ trẻ em được sử dụng với phạm vi về chủ thể tham gia vào hệ thống tư pháp tương đối rộng, bao gồm nạn nhân, nhân chứng và người phạm tội.

luật theo cách khác với người trưởng thành”⁷. Theo văn bản này thì khái niệm NCTN được sử dụng chỉ trong bối cảnh một người chưa trưởng thành vi phạm pháp luật, trong đó có vi phạm pháp luật hình sự.

Là thành viên của Công ước LHQ về quyền trẻ em, Việt Nam đã tiếp thu ghi nhận trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016). Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi” (Điều 21). Tương tự, Bộ luật Hình sự năm 2015 có những quy định về các nguyên tắc xử lý khác nhau về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội (Chương XII). Bộ luật TTHS năm 2015 cũng dành hẳn một chương quy định về thủ tục tố tụng đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi (Chương XXVIII) đối với 3 nhóm người (người bị buộc tội, người bị hại và người làm chứng). Các quy định trên trong pháp luật Việt Nam đã thể hiện sự thống nhất và tôn trọng các chuẩn mực quốc tế về độ tuổi, về quyền của người chưa thành niên nói chung khi tham gia hệ thống tư pháp hình sự.

2. Những văn bản pháp lý quốc tế về nạn nhân của tội phạm là người chưa thành niên

2.1. Các văn bản của Liên hợp quốc

Ở phạm vi toàn cầu, Bản Tuyên bố của LHQ về các nguyên tắc cơ bản về tư pháp đối với nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1985 được xem là văn kiện có tính pháp lý cao nhất với các quốc gia thành viên tham gia (Gọi tắt là

Tuyên bố về nạn nhân của tội phạm). Văn bản này đã được phê chuẩn bởi sự đồng thuận của Đại hội đồng LHQ lần thứ 7 về phòng, chống tội phạm và xử lý người phạm tội⁸.

Tuyên bố này đưa ra khái niệm “nạn nhân của tội phạm”⁹ và nêu rõ các quyền của nạn nhân của tội phạm ở 3 khía cạnh: *quyền được tiếp cận công lý và đối xử công bằng; quyền được đền bù và bồi thường cho những tổn hại về tinh thần, thể chất và tài sản do tội phạm gây ra; và quyền được trợ giúp pháp lý*. Để thúc đẩy việc thực hiện, một bản Hướng dẫn Tuyên bố này cũng đã được ban hành bởi Hội đồng Kinh tế và Xã hội của LHQ bằng Nghị quyết số 1990/ 22 ngày 24/5/1990¹⁰.

Bản Hướng dẫn thực thi Tuyên bố này đã giải thích rằng các nguyên tắc cơ bản được ghi nhận trong bản Tuyên bố về nạn nhân của tội phạm được “áp dụng không phân biệt đối xử, đối với tất cả quốc gia, ở mọi giai đoạn phát triển và trong mọi hệ thống, cũng như với tất cả các nạn nhân”¹¹. Ngoài ra, việc thực thi Tuyên bố này thuộc trách nhiệm của chính quyền trung ương và địa phương, những người chịu trách nhiệm quản lý hệ thống tư pháp hình sự và các cơ quan khác tiếp xúc với nạn nhân, và chính bản thân nạn nhân của tội phạm”¹².

Ngoài ra, những bảo đảm cho nạn nhân của tội phạm cũng được ghi nhận trong Công ước LHQ về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, được Đại hội đồng thông qua vào ngày 15/11/2000¹³. Trong đó, Điều 25 ghi nhận việc

⁷ Quy tắc 2.2, The United Nations Standard Minimum Rules for the Administration of Juvenile Justice (Quy tắc Bắc Kinh - The Beijing Rules) ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ số 40/33 ngày 29 tháng 11 năm 1985.

⁸ The United Nations’ Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power of 29 November 1985.

⁹ Xem: The United Nations Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power (ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ số 40/33 ngày 29/11/1985).

¹⁰ UN doc. A/CONF.144/20, Annex, Guide for Practitioners Regarding the Implementation of the Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power.

¹¹ *Tlđđ.*, tr. 3, đoạn 1

¹² *Tlđđ.*, tr. 3, đoạn 2.

¹³ The United Nations Convention against Transnational Organized Crime, Xem: <http://conventions.coe.int>.

“Hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân”. Điều 6 của Nghị định thư về ngăn chặn, đàn áp và trừng phạt tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em¹⁴ bổ sung Công ước này, cũng ghi nhận cụ thể hơn về “Hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân của tội phạm buôn bán người”.

Có thể thấy, liên quan trực tiếp đến nạn nhân của tội phạm là NCTN, hiện chưa có bất cứ một văn bản pháp lý quốc tế dưới bất cứ hình thức như Công ước hay Tuyên bố nào được thiết lập. Tuy nhiên, trong khuôn khổ thực thi các Công ước quốc tế liên quan đến quyền của nạn nhân của tội phạm, LHQ tiếp tục đưa ra những khuyến nghị, hướng dẫn nhằm hỗ trợ các quốc gia trong việc hoàn thiện pháp luật. Điều này được tìm thấy trong hai văn bản, bao gồm Hướng dẫn của LHQ về tư pháp trong những vấn đề liên quan đến nạn nhân và nhân chứng của tội phạm là trẻ em (gọi tắt là Hướng dẫn LHQ)¹⁵ và Đạo luật mẫu và những bình luận liên quan đến các vấn đề tư pháp về nạn nhân và nhân chứng của tội phạm là trẻ em¹⁶. Tuy nhiên, đây là những văn bản mang tính gợi ý và khuyến nghị, không có giá trị pháp lý trong việc tuân thủ, mặc dù vậy, lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật của các quốc gia thành viên của CRC.

Nghiên cứu các văn bản trên, có thể nhận thấy sự nỗ lực to lớn của các nhà hoạch định chính sách pháp luật trong quá trình thiết lập và hoàn thiện các đảm bảo pháp lý tốt nhất cho nạn nhân của tội phạm là NCTN. Điều này

được thể hiện qua nội dung các khuyến nghị và hướng dẫn cụ thể các quyền mà nạn nhân của tội phạm là người trong lứa tuổi nhạy cảm cần được bảo vệ.

Thứ nhất, trên cơ sở quy định về tuổi của trẻ em của Công ước về quyền trẻ em, trong cả Hướng dẫn LHQ và Đạo luật mẫu đều nhấn mạnh đối tượng được bảo vệ là người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng là nạn nhân của tội phạm. Cùng với quy định của Công ước về quyền trẻ em, khuyến nghị này thực tế đã dẫn đến sự thay đổi theo hướng mở rộng hơn quy định độ tuổi của trẻ em ở nhiều quốc gia (trong đó có Việt Nam).

Thứ hai, các nguyên tắc cơ bản cần phải đảm bảo tính đặc thù và bảo vệ tốt nhất lợi ích cho nạn nhân là NCTN khi tham gia quá trình tố tụng. Những nguyên tắc này tập trung vào việc quy định chức năng và nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền lợi của nạn nhân thông qua vai trò của người tiến hành tố tụng (THTT) và những người được chỉ định tham gia hỗ trợ nạn nhân, đặc biệt trong 3 khía cạnh: quyền được giữ bí mật về thông tin; quyền được bồi thường thích đáng và quyền được giúp đỡ trong suốt quá trình tố tụng.

Về quyền được giữ bí mật thông tin: đảm bảo này yêu cầu trách nhiệm của cơ quan THTT phải tuyệt đối tuân thủ. Để triển khai nguyên tắc này, cơ quan và người có thẩm quyền trong quá trình tố tụng có quyền và nghĩa vụ chấm

¹⁴ The Protocol to Prevent, Suppress and Punish Trafficking in Persons, Especially Women and Children. Xem: Báo cáo giải thích Công ước Châu Âu về bồi thường cho nạn nhân của tội phạm về bạo lực (the European Convention on the Compensation of Victims of Violent Crimes), <http://conventions.coe.int/treaty/en/Reports/Html/116.htm> (web site Hội đồng Châu Âu - Council of Europe), tr. 1, đoạn 1.

¹⁵ United Nation Guidelines on Justice in matters involving Child victims and witnesses of crime, ban hành dựa trên Nghị quyết 2005/20 của Hội đồng LHQ về kinh tế và xã hội vào tháng 7/2005.

¹⁶ Đạo luật mẫu là kết quả của nỗ lực hợp tác giữa Văn phòng LHQ về Ma túy và Tội phạm (the United Nations Office on Drugs and Crime) và Quỹ nhi đồng LHQ (UNICEF) cùng với Cục quốc tế về quyền trẻ em (International Bureau for Children's Rights) được công bố vào năm 2009. Luật mẫu này được thiết kế nhằm hỗ trợ các quốc gia trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền của nạn nhân và nhân chứng là trẻ em khi tham gia tố tụng. Những gợi ý trong văn bản này chủ yếu sử dụng trong tư pháp hình sự. Mặc dù vậy, văn bản này cũng được gợi ý cho các quốc gia có thể tham khảo và ứng dụng trong những bầm đảm khác đối với trẻ em trong các quan hệ ngoài tố tụng hình sự như ly hôn, nuôi con nuôi, nhập cư và tị nạn.

dứt mọi sự tham gia của cộng đồng và truyền thông trong suốt quá trình tố tụng. Việc tiếp xúc giữa nạn nhân trong việc làm chứng các hành vi phạm tội cũng phải hạn chế và chỉ thực hiện trừ khi điều đó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nạn nhân¹⁷. Nguyên tắc này được coi là rất quan trọng trong việc đảm bảo cho nạn nhân không bị rơi vào tình trạng trở thành nạn nhân lần thứ 2 trong quá trình tố tụng¹⁸. Đây có lẽ là những phát hiện rất xác đáng đối với cơ chế tâm lý của lứa tuổi chưa thành niên trong vai trò là nạn nhân của tội phạm trước những lo sợ về sự trả thù của người bị cáo buộc đã gây thiệt hại, cũng như những sang chấn khi phải gọi nhắc lại những hình ảnh do bị lạm dụng hoặc gây tổn thương hoặc thái độ thái quá, không phù hợp của người THPT, cũng như mối quan tâm của cộng đồng. Điều này nếu có, sẽ gây khó khăn cho họ trong cả quá trình sau khi kết thúc vụ án. Chính vì vậy, mọi hướng dẫn và khuyến nghị của LHQ đều kêu gọi các quốc gia nên tiến hành các quy trình tố tụng kín, trừ trường hợp việc này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nạn nhân¹⁹.

Về quyền được bồi thường thích đáng: theo bản Hướng dẫn LHQ và Điều luật mẫu, đối với nạn nhân là NCTN, vấn đề bồi thường cho họ không chỉ đảm bảo việc khôi phục lại những tổn thương về thể chất và tinh thần mà còn bảo đảm những điều kiện vật chất cho cuộc sống của họ sau những đau khổ họ phải gánh chịu trong suốt năm tháng tiếp theo của cuộc đời. Hơn thế nữa, việc bồi thường không chỉ đối với cá nhân họ mà đối với cả gia đình, người thân

hoặc người phụ thuộc của họ. Do đó, trong cả Tuyên bố của LHQ và hai văn bản kể trên, các khuyến nghị luôn nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của Nhà nước, bên cạnh nghĩa vụ của người bị buộc tội trong việc bồi thường cho nạn nhân là NCTN. Cách thức thành lập các Quỹ bồi thường nhà nước được LHQ khuyến khích và phạm vi được bồi thường Nhà nước còn bao gồm cả đối tượng nạn nhân là công dân của nước khác nhưng bị thiệt hại trên lãnh thổ của quốc gia bản địa²⁰. Thậm chí, ngay cả trong trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội được tuyên bố là vô tội cũng không loại trừ nghĩa vụ bồi thường của anh ta cũng như của Nhà nước²¹.

Về quyền được cung cấp những trợ giúp cần thiết trong quá trình tham gia tố tụng: đây được xem là sự tổng hợp đồng bộ của rất nhiều quyền của nạn nhân cần được bảo đảm trên cơ sở trách nhiệm của Nhà nước. Theo đó, nạn nhân cần được thông báo những thông tin về tiến độ xử lý tội phạm và những quyết định liên quan đến đình chỉ hay tha bổng người phạm tội. Họ được quyền lắng nghe và bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan. Được cung cấp những hỗ trợ hiệu quả trong quá trình tố tụng, bao gồm: quyền được xem xét và giải quyết nhanh chóng quy trình tố tụng, các cơ quan THPT không được trì hoãn hoặc kéo dài quy trình giải quyết vụ án, trừ khi việc trễ nải này để nhằm bảo vệ tốt hơn quyền của trẻ là nạn nhân và đồng thời phải bảo đảm họ nhận được những bồi thường cần thiết và đầy đủ ngay cả khi tội phạm chưa bị bắt giữ hoặc bị tuyên bố là

¹⁷ Hướng dẫn LHQ.

¹⁸ Hiện tượng này được gọi là “secondary victimization”, có nghĩa là một người không chỉ là nạn nhân của hành vi phạm tội mà còn là nạn nhân của những phản ứng từ những tổ chức hoặc cá nhân trong quá trình tố tụng. Xem diễn giải trong Đạo luật mẫu.

¹⁹ Hướng dẫn LHQ.

²⁰ Mục 13 phần A Tuyên bố về những nguyên tắc cơ bản về tư pháp đối với nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực.

²¹ Mục 8 phần A Tuyên bố về những nguyên tắc cơ bản về tư pháp đối với nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực.

vô tội²²; trong suốt quá trình tố tụng, nạn nhân là trẻ em phải được hỗ trợ từ các chuyên gia và được gần gũi với gia đình (trừ trường hợp điều này không có lợi hoặc gây tổn thương cho nạn nhân, hoặc do trẻ không mong muốn). Hình thức chỉ định người “giám hộ tạm thời” cũng được LHQ khuyến khích nhằm đảm bảo cho nạn nhân luôn được hỗ trợ tốt nhất²³.

Thứ ba, thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan chức năng, tổ chức xã hội và cá nhân trong việc giúp đỡ nạn nhân là trẻ em tái hoà nhập xã hội và tiếp tục trưởng thành trong điều kiện tốt nhất mà trẻ em cần được bảo đảm. Ở khía cạnh này, bản Hướng dẫn có đề cập đến nguyên tắc hỗ trợ phải dựa trên nền tảng những bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em phải được đặt trong mối tương quan với việc bảo đảm quyền của người bị buộc tội cùng là người chưa thành niên²⁴. Do đó, các biện pháp tư pháp phục hồi đối với người phạm tội là NCTN cũng được LHQ khuyến khích áp dụng như một hình thức thúc đẩy việc bồi thường²⁵. Bên cạnh đó, Nhà nước và xã hội phải cùng tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ em tái lập lại cuộc sống và tiếp tục lớn lên trong điều kiện tốt nhất²⁶.

2.2. Các văn bản của khu vực Liên minh châu Âu

Thứ nhất, sự ra đời của Hiến chương Liên

minh châu Âu về các quyền cơ bản vào năm 2000²⁷ có giá trị pháp lý ràng buộc các quốc gia thành viên có nghĩa vụ bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em. Đặc biệt, Điều 24 Hiến chương thể hiện ba nguyên tắc cốt lõi về quyền trẻ em, bao gồm: quyền tự do bày tỏ quan điểm của mình theo độ tuổi và thời gian trưởng thành của họ; quyền được ưu tiên có những lợi ích tốt nhất trong tất cả các hành động liên quan đến họ; và quyền được duy trì mối quan hệ cá nhân và liên hệ trực tiếp với cha mẹ của họ. Đây được xem là nền tảng pháp lý cho việc triển khai các quyền cụ thể cần được bảo vệ của nạn nhân là NCTN trong TTHS.

Thứ hai, Hiệp ước Lisbon có hiệu lực vào ngày 1/12/2009²⁸ đã thúc đẩy quyền trẻ em bằng cách xác định “bảo vệ các quyền của trẻ em” như một mục tiêu chung của EU (Điều 3.3) và là một khía cạnh quan trọng trong chính sách đối ngoại của EU (Điều 3.5). Điều này cho phép EU ban hành các biện pháp chống lại nạn bóc lột tình dục và nạn buôn người (Điều 79.2.d và Điều 83.1), đồng thời thông qua các Chỉ thị về chống lạm dụng tình dục trẻ em, khai thác tình dục trẻ em và sách báo khiêu dâm trẻ em²⁹, ngăn ngừa và chống nạn buôn bán người người và bảo vệ các nạn nhân³⁰. Định hướng gần đây hơn là thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu

²² Ở khía cạnh này, trong cả pháp luật của Đức và Hoa Kỳ đều có những khuyến khích thực hiện việc bồi thường được tiến hành trước khi toà án có quyết định chính thức về tội phạm. Xem: John E.B. Myer, *A Short History of Child Protection in America*, Family Law Quarterly, Volum 42, Number 3, Fall 2008. Xem: https://www.americanbar.org/content/dam/aba/publishing/insights_law_society/ChildProtectionHistory.authcheckdam.pdf; Maritna Peter, Measure to Protect Victims in German Criminal Proceedings – A summary with special focus on the key points of the Second Victims’ Rights Reform Act, Xem: http://www.unafei.or.jp/english/pdf/RS_No81/No81_13VE_Peter.pdf.

²³ Là người được toà án chỉ định để bảo vệ trẻ trong các vụ việc ảnh hưởng đến quyền lợi của họ (xem diễn giải của Đạo luật mẫu về tư pháp những vấn đề về nạn nhân và nhân chứng là trẻ em).

²⁴ Hướng dẫn LHQ.

²⁵ *Tlđđ.*

²⁶ *Tlđđ.*

²⁷ EU (2012), Charter of Fundamental Rights of the European Union, OJ 2012 C 326.

²⁸ EU (2007), Treaty of Lisbon Hiệp ước này ra đời và bổ sung Hiệp ước Châu Âu và Hiệp ước thiết lập Cộng đồng chung Châu Âu, Ký tại Lisbon, OJ 2007 C 306.

²⁹ Chỉ thị số 2011/93/EU, OJ 2011 L 335, tr. 1.

³⁰ Chỉ thị số 2011/36/EU, OJ 2011 L 101, tr. 1.

về quyền hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân của tội phạm cũng dành nhiều điều khoản cho trẻ em³¹.

Thứ ba, ghi nhận một mức độ chính sách chiến lược hơn, Hội đồng châu Âu đã thông qua “Các hướng dẫn của EU về thúc đẩy và bảo vệ quyền của trẻ em” (*EU Guidelines for the promotion and protection of the rights of the child*) ký tại Brussels vào tháng 10/2007. Qua đó, EU đã đưa ra ràng buộc với các quốc gia thành viên về Chương trình bồi thường quốc gia. Chỉ thị 2004/80/EC quy định trách nhiệm bồi thường của quốc gia cho các nạn nhân tội phạm quy định rằng họ có thể nộp đơn xin bồi thường nhà nước khi họ bị gây thiệt hại ở nước ngoài để nhận được sự trợ giúp. Chỉ thị yêu cầu tất cả các quốc gia thành viên phải có một chương trình bồi thường của Nhà nước cung cấp bồi thường công bằng và thích hợp cho các nạn nhân của tội phạm liên quan đến bạo lực. Ngoài ra, Chỉ thị số 2012/29/EU thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu về quyền được hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân của tội phạm (Điều 16) trong thời gian hợp lý của quá trình tố tụng hình sự (hoặc các thủ tục pháp lý khác³²). Văn bản này cũng khuyến khích các cơ chế thúc đẩy việc thu hồi các khoản đền bù từ người phạm tội.

Trên cơ sở đó, Hội đồng châu Âu đã ban hành các hướng dẫn về thúc đẩy và bảo vệ quyền của trẻ em, nhấn mạnh vai trò của tư pháp thân thiện với trẻ em rằng phải chú ý tới vị trí của nạn nhân và người làm chứng là trẻ em, đặc biệt khi họ đưa ra bằng chứng trong quá trình xét xử³³. Hướng dẫn này kêu gọi các quốc gia thành viên thực hiện với một nỗ lực to lớn để trẻ em đưa ra bằng chứng ở những

môi trường thuận lợi nhất và dưới những điều kiện thích hợp nhất. Để đạt được điều này, nên có sự tham gia hỗ trợ của các chuyên gia được đào tạo. Trẻ em cũng nên có cơ hội để cung cấp bằng chứng trong các vụ án hình sự mà không có sự hiện diện của người bị cáo buộc gây tổn hại cho họ. Hướng dẫn này cũng công nhận rằng cách tiếp cận thân thiện với trẻ em là phải tôn trọng quyền của các bên khác để tranh luận về nội dung các tuyên bố từ đứa trẻ.

Mặc dù Châu Âu vẫn chưa đưa ra được một văn kiện mang tính thống nhất về bảo vệ quyền của trẻ em là nạn nhân của tội phạm, nhưng so với những định hướng của LHQ, các văn bản pháp lý trên của EU cho thấy đã cụ thể hơn và có tính ràng buộc đối với các nước thành viên của EU. Quan trọng hơn, EU đã có những ghi nhận trực tiếp đối tượng cần được bảo vệ là trẻ em là nạn nhân của tội phạm, đặc biệt là những nạn nhân của tội phạm về bạo lực và tình dục, cũng như đề ra các cách thức điều tra đặc biệt và biện pháp khắc phục thiệt hại cho nạn nhân qua hình thức bồi thường nhà nước.

3. Pháp luật Việt Nam về nạn nhân của tội phạm là người chưa thành niên - bình luận và hướng hoàn thiện

3.1. Khái quát khung pháp lý về nạn nhân của tội phạm là người chưa thành niên

Luật Trẻ em năm 2016 quy định các biện pháp bảo vệ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại và người làm chứng (Điều 71). Trong đó, chủ yếu vẫn là những quy định dành cho trẻ em vi phạm pháp luật. Đối với trẻ em là người bị hại và người làm chứng được ghi nhận trong những đảm bảo chung cho trẻ em³⁴.

³¹ Chỉ thị số 2012/29/EU, OJ 2012 L 315, tr. 57.

³² Directive 2012/29/EU establishing minimum standards on the rights, support and protection of victims of crime.

³³ Hội đồng các Bộ trưởng, Hướng dẫn về tư pháp thân thiện với trẻ em, tháng 11/2010, đoạn 64 (Council of Europe, Committee of Ministers (2010), *Guidelines on child friendly justice*, 17 November 2010, para. 64).

³⁴ Luật Trẻ em quy định các nguyên tắc chung về bảo đảm quyền của trẻ em (Điều 5), bao gồm: Không phân biệt đối xử với trẻ em (khoản 2), Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em (khoản 3), Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em (khoản 4).

Luật Thanh niên năm 2020 quy định việc áp dụng Điều ước quốc tế về quyền trẻ em đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Đặc biệt, Điều 26 (khoản 5 và 6) quy định chính sách của Nhà nước đối với thanh niên trong độ tuổi này. Theo đó, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện các chính sách về hình sự, hành chính, dân sự đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định của pháp luật (khoản 5 Điều 26), và ưu tiên giải quyết nhanh chóng các vụ việc gây tổn hại đến thể chất và tinh thần của nhóm tuổi này (khoản 6 Điều 26).

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 ghi nhận các đối tượng được trợ giúp pháp lý bao gồm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự, nạn nhân của các vụ bạo lực gia đình và của các hành vi mua bán người với điều kiện những đối tượng này có khó khăn về tài chính (khoản 7 Điều 7).

- Bộ luật TTHS năm 2015 dành hẳn Chương 28 gồm 17 Điều khoản (từ Điều 413 đến Điều 430) quy định về thủ tục đặc biệt dành cho người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi (bao gồm 3 loại người: người bị buộc tội, người bị hại và người làm chứng).

- Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 ghi nhận Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của nạn nhân của tội phạm mua bán người theo quy định của pháp luật TTHS (Điều 30) và những hình thức hỗ trợ nạn nhân (từ Điều 32 đến Điều 38). Đối với nạn nhân là trẻ em, sẽ được hỗ trợ trong việc tiếp nhận và xác minh thông tin, là nội dung duy nhất dành cho nạn nhân là trẻ em được Bộ luật này ghi nhận tại Điều 24 khoản 3. Đây được xem là văn bản duy nhất đến thời điểm này sử dụng thuật ngữ “nạn nhân” để chỉ người bị hại của các hành vi phạm tội liên quan đến mua bán người; vấn đề bồi thường cho nạn nhân cũng

được đề cập, nhưng không cụ thể (khoản 3 Điều 6 ghi “nạn nhân được bồi thường theo quy định của pháp luật”).

Ngoài những đạo luật trên, một số hoạt động tăng cường và hỗ trợ liên quan đến trẻ em là nạn nhân của tội phạm cũng được quan tâm. Nổi bật là Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án về trẻ em giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt ngày 07/01/2021, Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có những nội dung hợp tác giữa các cơ quan chức năng như Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, thương binh và xã hội về triển khai các hoạt động thúc đẩy và tăng cường hơn nữa việc đảm bảo tốt nhất đối với trẻ em bị xâm hại và là nạn nhân của tội phạm tình dục, buôn bán người, bạo lực gia đình và học đường.

Nhìn chung, pháp luật Việt Nam đã có những quan tâm thích đáng đối với sự an toàn của trẻ em nói chung trên cơ sở thực hiện các cam kết của Điều ước quốc tế về quyền trẻ em. Tuy nhiên, những vấn đề về nạn nhân của tội phạm hay người bị hại là NCTN trong vụ án hình sự; những nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích của nạn nhân; trách nhiệm của cơ quan THTT, người THTT; trách nhiệm của Nhà nước về bồi thường thiệt hại đối với nạn nhân nói chung và nạn nhân là NCTN nói riêng vẫn cần thiết phải được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.

3.2. Thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về nạn nhân của tội phạm là người chưa thành niên và những kiến nghị hoàn thiện

- Ở phạm vi Hiến pháp

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận khá đầy đủ các quyền của người bị buộc tội³⁵, tạo nền

³⁵ Điều 31 ghi nhận các quyền cơ bản của người bị buộc tội.

tảng pháp lý vững chắc và thống nhất trong bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người bị buộc tội trong TTHS nói riêng. Tuy nhiên, như đã trình bày, tính công bằng trong TTHS chỉ đạt được khi quyền và lợi ích chính đáng của các bên trong vụ án được tôn trọng và bảo đảm công bằng. Bản Hiến pháp năm 2013 chưa có điều khoản nào đề cập đến quyền của nạn nhân của tội phạm, đặc biệt với đối tượng người tham gia tố tụng là NCTN, mặc dù một phần của nội dung này có được đề cập ở một số điều khoản mang tính bảo đảm chung về quyền con người và quyền của trẻ em³⁶.

Tác giả cho rằng, nạn nhân của tội phạm xứng đáng có một vai trò quan trọng trong TTHS. Điều này tạo nên sự cân bằng trong việc bảo vệ các quyền hiến pháp dành cho người bị buộc tội. Họ cần được bảo đảm các quyền cơ bản như quyền được thông báo về phiên xử tại tòa, tham dự những buổi thẩm vấn và lấy lời khai khi thích hợp. Nạn nhân của tội phạm cũng có quyền xem trường hợp của họ được tiến hành mà không chậm trễ bất hợp lý, được thông báo khi người phạm tội được thả hoặc trốn thoát, để đảm bảo rằng họ có khả năng được bồi thường những tổn thất do tội phạm gây ra...³⁷.

- Các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

+ Khái niệm nạn nhân của tội phạm là NCTN

Như đã đề cập, so với các văn bản pháp lý quốc tế và nhiều nước trên thế giới, khái niệm nạn nhân của tội phạm trong Bộ luật TTHS năm 2015 của Việt Nam có phạm vi hẹp hơn. Bị hại trong pháp luật Việt Nam là người bị thiệt hại trực tiếp về tính mạng sức khỏe, nhân phẩm, tài sản do tội phạm trực tiếp gây ra, mà không bao gồm những chủ thể khác tham gia vào quá trình tố tụng như người người làm chứng, người thân thích hay người phụ thuộc của người bị hại. Theo chúng tôi, quy định này của Việt Nam chưa đựng những yếu tố hợp lý. Nếu đặt nạn nhân trong vai trò giống như nhân chứng, phải cung cấp những lời khai mà không có quyền được lựa chọn rằng họ có thực sự mong muốn trình bày hay không, có khả năng dẫn đến việc thu thập chứng cứ không khách quan và đầy đủ. Ở khía cạnh này, việc tạo điều kiện thuận lợi cho nạn nhân là NCTN một môi trường và tâm lý vững tâm trong việc trình bày những thông tin về tội phạm là cần thiết, và điều này không giống hoàn toàn với vai trò của người làm chứng. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh toàn diện về mục tiêu của tư pháp

³⁶ Ví dụ: Điều 20 về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Điều 21 về quyền được bảo đảm bí mật cá nhân; Điều 30 về quyền được khiếu nại, tố cáo và yêu cầu bồi thường; Điều 37 về quyền của trẻ em được chăm sóc và giáo dục, nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại đến trẻ em...

³⁷ Hoa Kỳ là một ví dụ điển hình trong việc ghi nhận quyền của nạn nhân trong Hiến pháp. Hiện tại, hầu hết các tiểu bang của Hoa Kỳ đều đã ghi nhận quyền của nạn nhân của tội phạm nói chung là một nội dung quan trọng quy định của Hiến pháp, bao gồm cả quyền của nạn nhân là NCTN. Việc ghi nhận quyền của nạn nhân vào trong Hiến pháp dựa trên 3 nền tảng: 1) các quyền của nạn nhân tội phạm được bảo vệ theo cùng cách mà các quyền của bị cáo được bảo vệ; 2) quyền của nạn nhân tội phạm là một phần vĩnh viễn của hệ thống tư pháp hình sự; 3) tòa án sẽ có quyền thực thi quyền của nạn nhân tội phạm nếu họ bị vi phạm. Xem: John E.B. Myer, *A Short History of Child Protection in America*, Family Law Quarterly, Volum 42, Number 3, Fall 2008, https://www.americanbar.org/content/dam/aba/publishing/insights_law_society/ChildProtectionHistory.authcheckdam.pdf; Barbara Bennett Woodhouse (2011), *Constitutional Rights of Parents and Child Protective and Juvenile Delinquency Investigation*, <https://ssrn.com/abstract=1934868>.

NCTN là nhằm bảo đảm cho tất cả trẻ em, hay NCTN khi tham gia hệ thống tư pháp cần được đối xử bằng những thủ tục đặc biệt, tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất cho trẻ em, thì việc ghi nhận nạn nhân của tội phạm chỉ là người bị hại theo quy định của pháp luật Việt Nam sẽ là một hạn chế, đồng thời tạo nên một chính sách bảo đảm quyền không toàn diện cho người bị hại nói chung và những chủ thể là NCTN khi tham gia vào vụ án hình sự nói riêng bị thiệt hại (hoặc có nguy cơ bị thiệt hại) bởi hành vi phạm tội hoặc bởi chính việc áp dụng các quy trình tố tụng³⁸. Theo đó, cần nghiên cứu lại cách diễn đạt khái niệm về người bị hại của Điều 62 Bộ luật TTHS năm 2015 theo hướng ghi nhận bị hại là cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra, mà không chỉ là “bị thiệt hại trực tiếp”.

Bên cạnh đó, mặc dù các đạo luật liên quan trực tiếp đến nạn nhân của tội phạm (bao gồm Bộ luật Hình sự và Bộ luật TTHS) đều ghi nhận NCTN là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, Luật Trẻ em năm 2016 vẫn duy trì việc ghi nhận trẻ em là người dưới 16 tuổi. Trong khi đó, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 ghi nhận trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận và xác minh thông tin với nạn nhân là “trẻ em” của các hành vi mua bán người. Đây có được hiểu là trẻ dưới 16 tuổi theo Luật Trẻ em? Nếu chiếu theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015, thì câu hỏi đặt ra là quy định này có bao trùm cả những nạn nhân của hành vi phạm tội về mua bán người

là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không? Điều này đã dẫn đến sự thiếu nhất quán trong chính sách đối xử với trẻ em khi tham gia hệ thống tư pháp NCTN nói chung và cần được hoàn thiện nhằm nâng cao tính thống nhất giữa các văn bản pháp luật³⁹.

Nghiên cứu Bộ luật TTHS năm 2015 cho thấy, các quy định về người bị hại nói chung và người bị hại là người dưới 18 tuổi nói riêng nhìn chung là giống nhau. Mặt khác, quyền của người bị hại nói chung được Bộ luật TTHS quy định khá tương đồng với quyền của người làm chứng⁴⁰. Trong số 17 điều khoản (từ Điều 413 đến Điều 430) của Bộ luật TTHS về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (bao gồm 3 đối tượng: người bị buộc tội, người bị hại và người làm chứng) thì các điều khoản đều chủ yếu tập trung chủ yếu vào người bị buộc tội, chỉ có 5 điều khoản quy định liên quan đến người bị hại, trong đó có 4 điều khoản quy định đồng thời về người bị hại cùng với người làm chứng. Việc quy định gộp chung cả 3 nhóm đối tượng trong cùng một chương và đồng thời quy định các nguyên tắc tố tụng áp dụng chung cho cả 3 chủ thể có vai trò tố tụng riêng biệt sẽ gây khó khăn trong việc áp dụng và tuân thủ pháp luật. Rõ ràng, mối quan tâm của nhà làm luật dành cho đối tượng là nạn nhân của tội phạm là người dưới 18 tuổi còn khá khiêm tốn và điều này nên được hoàn thiện theo hướng sau:

Phương án 1, cần nghiên cứu xây dựng một Đạo luật về bảo vệ nạn nhân và nhân chứng trong TTHS. Đây là cách thức được khuyến nghị bởi LHQ và đã được nhiều nước

³⁸ Theo quan điểm của nhiều nước, nạn nhân của tội phạm có thể là người bị thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp bởi hành vi phạm tội. Xem: Finkelhor D., Paschall M.J., Hashima P.Y. (2001), Tlđđ.

³⁹ Tuổi hợp pháp của đứa trẻ có liên quan trực tiếp đến việc chấp nhận đứa trẻ được đảm bảo trên nguyên tắc tốt nhất vì lợi ích của trẻ em theo Điều 33(1) của CRC. Xem: Dao Le Thu, Yvon Dandurand (2021) Social, Culture and Systemic Barriers to Child Justice Reform, (2021), Youth Justice, <https://journals.sagepub.com/doi/pdf/10.1177/147322542110361>.

⁴⁰ Điều 62 và Điều 66 Bộ luật TTHS.

triển khai⁴¹. Cách thức này đã thúc đẩy sự nhìn nhận khách quan về vai trò vô cùng quan trọng của người bị hại và người làm chứng nói chung trong quá trình chứng minh tội phạm. Đồng thời, là cách thức bảo đảm tốt nhất và đầy đủ nhất quyền của NCTN trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bởi tội phạm gây ra cần được giúp đỡ và khắc phục những tổn hại về thể chất, tinh thần và tài sản không chỉ của riêng họ mà còn cho gia đình, người thân và bảo đảm sự tiến bộ của xã hội.

Phương án 2, có thể giữ nguyên kết cấu hiện nay tại Chương 28 Bộ luật TTHS năm 2015 về thủ tục đặc biệt với người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, cần thiết phải hoàn thiện hơn quyền của người bị hại trong Điều luật quy định chung (Điều 62), hoặc xem xét bổ sung và quy định rõ ràng hơn các nguyên tắc tố tụng đặc biệt với người bị hại trong Điều 414 Chương 28, ví dụ như nguyên tắc đảm bảo không trở thành nạn nhân lần thứ 2 (secondary victimization)⁴², nguyên tắc về quyền được bồi thường nhanh chóng và đầy đủ; nguyên tắc bảo đảm quyền trên cơ sở không xung đột với quyền của người bị buộc tội.

+ Quyền được yêu cầu bồi thường và cách thức bảo đảm bồi thường

Điểm g khoản 2 Điều 62 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định người bị hại có quyền đề nghị hình phạt và mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường. Tuy nhiên, điều luật không đề cập cụ thể việc bồi thường được bảo đảm như thế nào? Ngoài nghĩa vụ của người phạm tội, Nhà nước có trách nhiệm bồi thường cho nạn nhân của tội phạm hay không, cụ thể trong trường hợp người phạm tội cũng là NCTN, hoặc người phạm tội không có khả năng bồi thường? Thực tế cho thấy, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với nạn nhân của tội phạm theo quy định của Việt Nam chưa đồng bộ và rõ ràng, mới chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ mà chưa phải là một ràng buộc đối với Nhà nước⁴³. Có ý kiến cho rằng, có thể vận dụng quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước để bảo đảm thực thi các khoản bồi thường cho nạn nhân trong những trường hợp này⁴⁴. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể thực hiện khi người bị hại trong vụ án đồng thời bị thiệt hại do những hành vi vi phạm của người thi hành công vụ

⁴¹ Đạo luật mẫu về những vấn đề liên quan đến nạn nhân và nhân chứng của tội phạm, https://www.unicef.org/eca/UNDOC-UNICEF_Model_Law_on_Children.pdf. Bên cạnh đó, Tuyên bố số 40/34 của Đại hội đồng LHQ về các nguyên tắc cơ bản về tư pháp đối với nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985 công nhận các nạn nhân của tội phạm và gia đình của họ, nhân chứng và những người khác giúp đỡ họ khi những người này gặp khó khăn khi trong quá trình hỗ trợ việc truy tố người phạm tội. Xem thêm: John E.B. Myer, *A Short History of Child Protection in America*, Family Law Quarterly, Volum 42, Number 3, Fall 2008, https://www.americanbar.org/content/dam/aba/publishing/insights_law_society/ChildProtectionHistory.authcheckdam.pdf.

⁴² Định nghĩa về “secondary victimization” (nạn nhân thứ cấp hay nạn nhân lần thứ 2) được UNODC và EU đề cập chính thức và xem là hiện tượng cần được ngăn chặn, Xem: UNODC, Handbook on justice for victims; on the use and application of the declaration of basic principles of justice for victims of crime and abuse of power, New York, 1999, p. 9 và Chỉ thị 2012/29/EU về quyền của nạn nhân được thông qua bởi Nghị viện Châu Âu, Xem: <http://data.europa.eu/eli/dir/2012/29/oj>.

⁴³ Hiện nay, trách nhiệm của Nhà nước đối với nạn nhân của tội phạm mới chỉ được ghi nhận trong Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 (Điều 32), và trách nhiệm này mới chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ (về y tế, giáo dục, trợ giúp pháp lý) đối với cá nạn nhân của hành vi mua, bán người. Vẫn chưa có một chế định đề cập đầy đủ về các trường hợp nạn nhân của tội phạm, đặc biệt nạn nhân là NCTN sẽ nhận được bồi thường từ nhà nước, cũng như mức bồi thường hay thủ tục bồi thường.

⁴⁴ Nguyễn Tất Thành (2021), *Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra – Quy định của một số nước và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 2/2021.

gây ra trong quá trình giải quyết vụ án⁴⁵. Để giải quyết vấn đề này, nên xem xét việc xây dựng chế định về bồi thường thiệt hại của Nhà nước đối với nạn nhân của tội phạm, trong đó quy định các trường hợp được bồi thường, mức bồi thường và thủ tục bồi thường⁴⁶.

+ Vai trò của người tiến hành tố tụng trong việc hỗ trợ nạn nhân là NCTN tiếp cận đầy đủ và an toàn trong quy trình tố tụng

Khoa học pháp lý và thực tiễn áp dụng pháp luật đều nhấn mạnh vai trò của người THPT trong việc thực hiện các quy trình tố tụng, đặc biệt trong những vụ án có NCTN tham gia. Trong tư pháp phục hồi, người THPT, đặc biệt là thẩm phán, đóng vai trò là người hoà giải giữa nạn nhân và người phạm tội, góp phần quyết định khả năng và mức độ phục hồi những tổn thương ở mức tốt nhất cho NCTN tham gia tố tụng⁴⁷. Hiện nay, với việc thành lập hệ thống Toà gia đình và NCTN, vai trò của cán bộ xét xử cần được đặc biệt đầu tư. Hơn nữa, quyền của nạn nhân khi tiếp cận với hệ thống tư pháp cần được hỗ trợ ở những giai đoạn sớm hơn hoạt động xét xử tại phiên toà. Do đó, cần triển khai các khoá đào tạo và huấn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ những người THPT (điều tra viên, công tố viên, thẩm phán), trong đó tập trung đào tạo kỹ năng tiếp

xúc và đối xử với nạn nhân nói chung và nạn nhân là NCTN nói riêng.

Những nội dung đào tạo cần được tiến hành với việc xây dựng chương trình về dịch vụ hỗ trợ nạn nhân⁴⁸, thông qua đó quy định cụ thể các hậu quả pháp lý và chế tài đối với những hành vi từ chối không thực hiện hỗ trợ nạn nhân của tội phạm trong quá trình tố tụng (ví dụ: hành vi không thông báo đầy đủ diễn tiến tố tụng, nội dung các quyết định tố tụng liên quan đến việc đình chỉ vụ án, hoặc tha bổng người bị buộc tội; không áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc áp dụng không kịp thời gây thiệt hại cho người bị hại hoặc người thân thích của họ); đồng thời phải nêu rõ những hành vi này nếu gây thiệt hại cho người bị hại nói chung sẽ phải gánh chịu trách nhiệm bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước.

+ Nguyên tắc hoà giải trong TTHS

Bộ luật TTHS năm 2015 không quy định thủ tục hoà giải. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 ghi nhận: “Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”. Đây là quy

⁴⁵ Điều 2 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017.

⁴⁶ Trên cơ sở quy định và khuyến nghị của các văn bản pháp lý quốc tế, pháp luật của các nước cho thấy trách nhiệm bồi thường nhà nước đối với nạn nhân của tội phạm thường được ghi nhận trong đạo luật về Nạn nhân và nhân chứng thông qua Quỹ bồi thường nhà nước. Xem tổng hợp: Hướng dẫn LHQ, tldđ; Công ước châu Âu về bồi thường cho nạn nhân của những tội phạm về bạo lực ngày 24 tháng 11 năm 1983 (the European Convention on the Compensation of Victims of Violent Crimes); Nguyễn Tất Thành (2021), *Tlđđ.*

⁴⁷ Thẩm phán phải lắng nghe nhu cầu và lợi ích từ cả hai phía (nạn nhân và tội phạm), từ đó tiến hành thực hiện mục tiêu của tư pháp hình sự NCTN trên nguyên tắc bảo đảm tốt nhất vì quyền của trẻ em. Xem: Lora Gallagher (2013), *Detour Ahead: Victim-Offender Mediation as a Mandatory Deviation Program for Juveniles*, <https://ssrn.com/abstract=2225301>.

⁴⁸ Là cách thức mà các quốc gia thành viên của EU đã và đang triển khai nhằm hỗ trợ nạn nhân của tội phạm trước, trong và sau quá trình tố tụng. Chương trình này cho phép nạn nhân được quyền yêu cầu trợ giúp về tâm lý, sức khỏe, những tư vấn về vấn đề pháp lý, thông tin về vụ án và tội phạm... cũng như những rủi ro nguy cơ trở thành nạn nhân thứ phát (secondary victimization). Xem: Báo cáo khảo sát và định hướng của Mạng lưới phòng chống tội phạm Châu Âu (European Crime Prevention Network - EUCPN) năm 2016 (Brussels) về chính sách và thực tiễn phòng ngừa nạn nhân thứ phát, https://eucpn.org/sites/default/files/document/files/toolbox_vii_-_final.pdf

định thể hiện bản chất của tư pháp phục hồi trong chính sách xử lý NCTN phạm tội. Quy định này phân nào đã thể hiện tinh thần các khuyến nghị nêu ra trong Bản hướng dẫn của LHQ về nguyên tắc cơ bản về các vấn đề nạn nhân là trẻ em, trong đó có nêu việc áp dụng tư pháp phục hồi là cách thức bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em và người phạm tội cũng là NCTN. Điều này đồng thời thúc đẩy tiến trình bồi thường cho người bị hại⁴⁹. Đây là một xu hướng của quá trình cải cách hệ thống tư pháp truyền thống ở nhiều nước, nơi mà nạn nhân của tội phạm được tham gia có ý nghĩa bởi một hệ thống tư pháp thân thiện, được lắng nghe tiếng nói của họ, được sửa chữa những tổn hại về tinh thần và vật chất mà họ phải chịu đựng⁵⁰.

Hiện tại, vấn đề hoà giải cũng đã được Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 đề cập, nhưng mới chỉ là quy định chung, chưa cụ thể và toàn diện⁵¹. Mặc dù nội dung này cũng đã được cụ thể hoá bởi hướng dẫn của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014, nhưng văn bản này cũng chỉ dừng lại ở mức độ định hướng và chỉ dẫn⁵². Chính vì vậy, nhằm tạo cơ sở thúc đẩy tư pháp phục hồi, thực hiện mục đích bảo đảm tốt nhất quyền của trẻ em (bao gồm cả người phạm tội và nạn nhân của tội phạm) khi tham gia tư pháp hình sự, bước đầu cần có những quy định thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 39

Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần sớm ghi nhận bổ sung trong Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về nguyên tắc hoà giải, trong đó nêu rõ những trường hợp áp dụng thủ tục hoà giải, thẩm quyền hoà giải, thủ tục hoà giải.

+ Hợp tác đa ngành

Theo báo cáo nội dung nghiên cứu hoàn thiện và thực thi pháp luật về bảo vệ trẻ em và tư pháp cho trẻ em trong tiến trình cải cách pháp luật và tư pháp ở Việt Nam do Bộ Tư pháp, UNICEF và EU đồng tổ chức vào tháng 10/2019 tại Hà Nội có thể thấy, Việt Nam đã và đang hoàn thiện nhiệm vụ nâng cao trình độ và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử tại các Tòa án Gia đình và người chưa thành niên. Tuy nhiên, lực lượng nhân sự còn lại liên quan đến quy trình tố tụng như đội ngũ cảnh sát điều tra, công tố viên... vẫn chưa được quan tâm toàn diện⁵³. Do đó, cần thiết lập kênh liên kết các nhóm đa ngành bao gồm các chuyên gia đại diện cho nhiều khía cạnh của chính phủ và các khu vực tư nhân bao gồm các nhân viên cảnh sát, công tố viên, thẩm phán, chuyên gia giáo dục, y tế, xã hội và các nhà trị liệu, nhân viên công tác xã hội... Họ phối hợp để cung cấp cách tiếp cận toàn diện để đáp ứng nhu cầu của trẻ em là nạn nhân, cũng như làm việc để ngăn ngừa bất cứ chấn thương nào khác cho nạn nhân. ■

⁴⁹ London R. (2014), Victims and Restorative Justice. In: Bruinsma G., Weisburd D. (eds) Encyclopedia of Criminology and Criminal Justice. Springer, New York, NY. https://doi.org/10.1007/978-1-4614-5690-2_327, Lora Gallagher (2013), *Tlđđ*.

⁵⁰ London R. (2014), *Tlđđ*.

⁵¹ Điều 3 khoản 1 điểm c quy định hoà giải ở cơ sở bao gồm “vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

⁵² Vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp sau đây (Điều 5 khoản 1 điểm đ): Không bị khởi tố vụ án theo quy định tại 157 Bộ luật TTHS năm 2015 và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Pháp luật quy định chỉ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không yêu cầu khởi tố theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật TTHS năm 2015 và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật TTHS năm 2015 hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật TTHS năm 2015 và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

⁵³ Báo cáo kết quả của Đoàn giám sát trước Quốc hội khoá XIV “*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em*” từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019, tr.29.